



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000123 lần đầu ngày 27/11/2001 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 15/02/2022.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200443827, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 15/02/2022: 272.820.270.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán DXP.

Trụ sở chính: Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên

##### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Thôi nhiệm từ 10/3/2022

#### SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-ĐHCD ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), Nghị quyết số 81/NQ-HĐQT ngày 27/12/2021 về việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho người lao động và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 15/02/2022 với vốn Điều lệ 272.820.270.000 VND.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính của Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Trần Việt Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022



Số: 131/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            Các Cổ đông  
                          Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
                          Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá được lập ngày 25/3/2022, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24/3/2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature.

---

**Bùi Thị Thủy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

---

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>390.463.825.564</b>	<b>369.333.568.717</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.189.632.753</b>	<b>1.071.370.402</b>
1. Tiền	111		2.189.632.753	1.071.370.402
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>351.266.873.336</b>	<b>339.580.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	351.266.873.336	339.580.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.273.154.538</b>	<b>25.606.645.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.345.150.843	12.702.589.269
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	222.948.279	128.966.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	17.926.704.511	12.996.739.162
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(221.649.095)	(221.649.095)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.324.969.386</b>	<b>3.037.919.206</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	3.324.969.386	3.037.919.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.409.195.551</b>	<b>37.633.773</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	45.210.416	37.633.773
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	1.363.985.135	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>143.342.197.532</b>	<b>114.012.015.025</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.396.573.012</b>	<b>18.969.290.811</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	14.344.850.792	18.880.660.261
<i>Nguyên giá</i>	222		281.686.429.417	290.991.147.420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(267.341.578.625)	(272.110.487.159)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	51.722.220	88.630.550
<i>Nguyên giá</i>	228		1.243.840.000	1.243.840.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.192.117.780)	(1.155.209.450)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>128.448.085.837</b>	<b>94.042.079.670</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	47.305.948.664	47.305.948.664
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	4.203.026.136	5.956.131.006
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.11	(2.820.888.963)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	79.760.000.000	40.780.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>497.538.683</b>	<b>1.000.644.544</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	497.538.683	1.000.644.544
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>533.806.023.096</b>	<b>483.345.583.742</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>16.604.251.221</b>	<b>18.819.792.381</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.604.251.221</b>	<b>18.819.792.381</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.975.337.428	3.490.674.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.067.025.798	749.082.364
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	538.495.541	1.979.759.280
4. Phải trả người lao động	314		8.105.403.467	9.878.589.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	493.333.997	57.559.778
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	763.762.771	950.124.882
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.660.892.219	1.714.002.345
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>517.201.771.875</b>	<b>464.525.791.361</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>517.201.771.875</b>	<b>464.525.791.361</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.870.270.000	259.870.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.870.270.000	259.870.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		191.797.285.602	136.355.992.903
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.181.555.819	66.946.868.004
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.005.575.304	66.946.868.004
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		54.175.980.515	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>533.806.023.096</b>	<b>483.345.583.742</b>

Người lập



**Hoàng Thị Hương**

Kế toán trưởng



**Mai Thị Yên Thế**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



**Trần Việt Hùng**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	87.066.769.364	107.372.731.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>87.066.769.364</b>	<b>107.372.731.748</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	51.295.367.076	66.223.847.016
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>35.771.402.288</b>	<b>41.148.884.732</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	44.663.905.061	42.158.784.200
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.843.063.662	32.168.548
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.950.799.841	17.537.773.650
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>60.641.443.846</b>	<b>65.737.726.734</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.602.960.431	184.944.737
12. Chi phí khác	32	6.6	323.745.654	10.496.874
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>2.279.214.777</b>	<b>174.447.863</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>62.920.658.623</b>	<b>65.912.174.597</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.744.678.108	8.970.881.898
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>54.175.980.515</b>	<b>56.941.292.699</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.085	2.133
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.986	2.133

Người lập



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Mai Thị Yên Thế

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022



Tổng Giám đốc

Trần Việt Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.920.658.623	65.912.174.597
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		5.295.935.071	7.931.213.253
- Các khoản dự phòng	03		2.820.888.963	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.838.462	1.303.286
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(47.228.232.331)	(42.105.276.288)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>23.813.088.788</b>	<b>31.739.414.848</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.551.441.327)	4.333.637.204
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(287.050.181)	1.489.258.285
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(418.740.192)	(3.478.882.026)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		495.529.218	(776.520.504)
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.853.108.840)	(10.973.432.511)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.089.405.211)	(976.674.573)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.108.872.255</b>	<b>21.356.800.723</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(723.217.272)	(2.381.167.727)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22		2.118.872.725	-
3. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(738.019.419.318)	(623.060.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		687.352.545.982	564.780.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17.959.531.022)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1.753.104.870	19.017.200.016
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.531.850.851	38.068.292.893
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.986.262.162)</b>	<b>(21.535.205.840)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.122.610.093</b>	<b>(178.405.117)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.071.370.402</b>	<b>1.251.078.805</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>61</b>		<b>(4.347.742)</b>	<b>(1.303.286)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>2.189.632.753</b>	<b>1.071.370.402</b>

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Mai Thị Yên Thế

Tổng Giám đốc




Trần Việt Hùng



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000123 lần đầu ngày 27/11/2001. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp số 0200443827, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 15/02/2022.

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 15/02/2022: 272.820.270.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán DXP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 202 người (tại ngày 31/12/2020 là 219 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh**

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cầu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, ...
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải và dịch vụ vận tải; Đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HDQT ngày 22/9/2011;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp dịch vụ Xếp dỡ và giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HDQT ngày 22/9/2011;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 17/10/2016.

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 5.11.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt và Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:** Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc và giá trị các khoản dự phòng (nếu có). Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, góp vốn liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

**a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Trong đó, nhà cửa vật kiến trúc chủ yếu là nhà văn phòng, nhà kho, nhà trực sản xuất ... đã hết khấu hao, được đánh giá lại khi cổ phần hóa và xác định thời gian sử dụng còn lại từ 03-10 năm.

**b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm;
- Các chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố phát sinh một lần quá lớn, Công ty thực hiện phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế.
- Chi phí trả trước khác, căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### **Nguyên tắc ghi nhận nợ vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác**

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp và các thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2021, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hiện chỉ có duy nhất một hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ logistic trong phạm vi tỉnh Hải Phòng, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không cần thiết phải trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn các điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”.

### **5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

#### **5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	282.464.432	188.511.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.907.168.321	882.859.379
<b>Tổng</b>	<b>2.189.632.753</b>	<b>1.071.370.402</b>

#### **5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2021 (VND)</b>		<b>01/01/2021 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>351.266.873.336</b>	<b>351.266.873.336</b>	<b>339.580.000.000</b>	<b>339.580.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 12 tháng	351.266.873.336	351.266.873.336	339.580.000.000	339.580.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>79.760.000.000</b>	<b>79.760.000.000</b>	<b>40.780.000.000</b>	<b>40.780.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	59.760.000.000	59.760.000.000	40.780.000.000	40.780.000.000
Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán kỹ thương (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>431.026.873.336</b>	<b>393.980.000.000</b>	<b>380.360.000.000</b>	<b>380.360.000.000</b>

(\*): Mua trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương theo Hợp đồng số 01/2021/BSA/TCBS-DOANXA PORT ngày 29/6/2021 và Hợp đồng số 02/2021/BSA/TCBS-DOANXA PORT ngày 31/12/2021. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu. Ngày đáo hạn: 29/6/2026 (60 tháng). Lãi suất cố định 8%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Đại lý & Môi giới VTB Quốc tế	6.143.215.000	4.884.797.638
Công ty cung ứng nhựa đường ADCO	467.476.830	1.586.490.716
Công ty CP TM và XNK vật tư giao thông	2.164.512.119	619.714.186
CN CTCP đại lý hàng hải VN - Đại lý hàng hải HP	219.077.265	579.123.116
Công ty TNHH TM Vận tải và DV Hợp Thành	111.173.000	581.680.000
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	5.239.696.629	4.450.783.613
<b>Tổng</b>	<b>14.345.150.843</b>	<b>12.702.589.269</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Unico Vina	77.661.800	-
Công ty TNHH TM và DV Dương Minh	-	119.330.475
Công ty IBPRO Việt Nam	69.300.000	-
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	75.986.479	9.635.525
<b>Tổng</b>	<b>222.948.279</b>	<b>128.966.000</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>17.926.704.511</b>	-	<b>12.996.739.162</b>	-
Tạm ứng	443.047.733	-	339.591.808	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	17.471.141.891	-	12.614.200.931	-
Phải thu khác	12.514.887	-	42.946.423	-
<b>Tổng</b>	<b>17.926.704.511</b>	-	<b>12.996.739.162</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	221.649.095	-	221.649.095	-
<i>Trong đó</i>	<b>Quá hạn trên 6 tháng</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty Cổ phần KAD Việt Nam				33.427.095
Công ty TNHH MTV vận tải Hải Nam				188.222.000
<b>Tổng</b>	-	-	-	<b>221.649.095</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.960.917.274	-	2.444.082.244	-
Công cụ, dụng cụ	364.052.112	-	593.836.962	-
<b>Tổng</b>	<b>3.324.969.386</b>	-	<b>3.037.919.206</b>	-

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>45.210.416</b>	<b>37.633.773</b>
Chi phí bảo hiểm và chi phí khác chờ phân bổ	45.210.416	37.633.773
<b>b) Dài hạn</b>	<b>497.538.683</b>	<b>1.000.644.544</b>
Công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế chờ phân bổ	497.538.683	1.000.644.544
<b>Tổng</b>	<b>542.749.099</b>	<b>1.038.278.317</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2021	62.267.035.501	10.187.360.992	216.379.843.450	2.156.907.477	290.991.147.420
Mua trong năm	-	-	688.187.272	35.030.000	723.217.272
Thanh lý, nhượng bán	(46.002.000)	(35.689.431)	(9.946.243.844)	-	(10.027.935.275)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>62.221.033.501</b>	<b>10.151.671.561</b>	<b>207.121.786.878</b>	<b>2.191.937.477</b>	<b>281.686.429.417</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Tại 01/01/2021	59.080.236.603	9.059.360.867	201.813.982.212	2.156.907.477	272.110.487.159
Khấu hao trong năm	1.021.477.415	546.968.841	3.683.282.575	7.297.910	5.259.026.741
Thanh lý, nhượng bán	(46.002.000)	(35.689.431)	(9.946.243.844)	-	(10.027.935.275)
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>60.055.712.018</b>	<b>9.570.640.277</b>	<b>195.551.020.943</b>	<b>2.164.205.387</b>	<b>267.341.578.625</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2021	3.186.798.898	1.128.000.125	14.565.861.238	-	18.880.660.261
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>2.165.321.483</b>	<b>581.031.284</b>	<b>11.570.765.935</b>	<b>27.732.090</b>	<b>14.344.850.792</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021: 256.114.476.851 đồng (tại ngày 01/01/2021: 232.384.874.853 đồng).

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm nghiệp vụ, phần mềm quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>		
Tại 01/01/2021	1.243.840.000	1.243.840.000
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>1.243.840.000</b>	<b>1.243.840.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Tại 01/01/2021	1.155.209.450	1.155.209.450
Khấu hao trong năm	36.908.330	36.908.330
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>1.192.117.780</b>	<b>1.192.117.780</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại 01/01/2021	88.630.550	88.630.550
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>51.722.220</b>	<b>51.722.220</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021: 1.159.840.000 đồng (tại ngày 01/01/2021: 1.159.840.000 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

**a) Thông tin về các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<b>a) Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	P1502 tòa nhà Ocean Park số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam; ...	39,0%	39,0%
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP)	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển; dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa ...	3,525%	3,525%

**b) Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại 31/12/2021 (VND)		Tại 01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao {1}	47.305.948.664	(2.820.888.963)	47.305.948.664	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ {2}	4.203.026.136	-	5.956.131.006	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng {3}	1.203.026.136	-	2.956.131.006	-
	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>51.508.974.800</b>	<b>(2.820.888.963)</b>	<b>53.262.079.670</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Giao dịch giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.

- {1}: Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vạn tài Hàng công nghệ cao: 47.305.948.664 đồng, tương ứng với 39% vốn Điều lệ của Công ty TNHH Vạn tài Hàng công nghệ cao.
  - {2}: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đang niêm yết và giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP, vốn Điều lệ của DVP: 400.000.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu DVP được Công ty CP Cảng Đoạn Xá nắm giữ đến ngày 31/12/2021 là 224.190 cổ phiếu tương ứng với 0,56% vốn Điều lệ của DVP. Giá trị hợp lý khoản đầu tư vào DVP tại ngày 31/12/2021 là 13.182.372.000 đồng được xác định theo số lượng cổ phiếu nắm giữ (224.190 cổ phiếu) nhân với giá đóng cửa cổ phiếu DVP tại ngày 31/12/2021 (58.800 đồng/cổ phiếu).
  - {3}: Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn Điều lệ.
- (1) và (3): Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CN Công ty TNHH VT Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	178.090.527	178.090.527	1.134.271.958	1.134.271.958
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới vận tải biển quốc tế	746.999.570	746.999.570	704.318.959	704.318.959
Công ty TNHH nạo vét và Xây dựng Hùng Dũng	490.458.955	490.458.955	-	-
Công ty TNHH TM và Vận tải Trường Xuân	306.231.035	306.231.035	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	163.029.408	163.029.408	248.605.231	248.605.231
Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Hải Anh	289.835.526	289.835.526	-	-
Các đối tượng khác	1.800.692.407	1.800.692.407	1.403.478.266	1.403.478.266
<b>Tổng</b>	<b>3.975.337.428</b>	<b>3.975.337.428</b>	<b>3.490.674.414</b>	<b>3.490.674.414</b>
<i>Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại 7.1)</i>	<i>178.090.527</i>	<i>178.090.527</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Sơn Hà SSP VN	60.644.700	55.239.615
Công ty TNHH Hoàng Vũ	70.000.000	239.999.999
Công ty Đức Giang	19.390.470	-
Công ty TNHH TM Đại Lợi	435.584.545	-
Công ty ống hộp thép Việt nam	120.050.600	-
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	361.355.483	453.842.750
<b>Tổng</b>	<b>1.067.025.798</b>	<b>749.082.364</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**a) Thuế phải nộp**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	229.001.589	3.687.158.026	3.533.438.731	382.720.884
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		8.394.322	8.394.322	-
Thuế XNK		7.631.202	7.631.202	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.745.434.597	8.744.678.108	10.490.112.705	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.323.094	538.589.197	388.137.634	155.774.657
Thuế nhà đất		94.878.000	94.878.000	-
Tiền thuê đất	-	4.058.616.800	4.058.616.800	-
Thuế Môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.497.036	4.497.036	-
<b>Tổng</b>	<b>1.979.759.280</b>	<b>17.151.442.691</b>	<b>18.592.706.430</b>	<b>538.495.541</b>

**b) Thuế phải thu**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.362.996.135	1.362.996.135
Tiền thuê đất	-	-	989.000	989.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.363.985.135</b>	<b>1.363.985.135</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí sửa chữa TSCĐ	47.181.818	-
Chi phí điện, nước và chi phí khác	446.152.179	57.559.778
<b>Tổng</b>	<b>493.333.997</b>	<b>57.559.778</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	100.213.825	218.327.405
Bảo hiểm y tế	-	212.850
Cô tức phải trả	71.197.000	71.197.000
Phải trả khác	592.351.946	660.387.627
<b>Tổng</b>	<b>763.762.771</b>	<b>950.124.882</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a) Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>95.089.683.341</b>	<b>51.423.592.541</b>	<b>407.736.206.336</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	56.941.292.699	56.941.292.699
Trích lập các quỹ	-	-	41.266.309.562	(41.266.309.562)	-
Giảm khác	-	-	-	(151.707.674)	(151.707.674)
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>136.355.992.903</b>	<b>66.946.868.004</b>	<b>464.525.791.361</b>
<b>Tại 01/01/2021</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>136.355.992.903</b>	<b>66.946.868.004</b>	<b>464.525.791.361</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	54.175.980.515	54.175.980.515
Trích lập các quỹ (*)	-	-	55.441.292.699	(56.941.292.700)	(1.500.000.001)
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>191.797.285.602</b>	<b>64.181.555.819</b>	<b>517.201.771.875</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, trong đó:

- Chia cổ tức: 0%.
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 55.441.292.699 VND.
- Trích Quỹ khen thưởng: 1.000.000.000 VND; Trích Quỹ phúc lợi: 200.000.000 VND.
- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 300.000.000 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2021</b> <b>VND</b>
Ông Hoàng Văn Quang	62.700.000.000	62.700.000.000
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	62.700.000.000	62.700.000.000
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	18.923.500.000	21.400.500.000
Các cổ đông khác	115.546.770.000	113.069.770.000
<b>Tổng</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>259.870.270.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	259.870.270.000	259.870.270.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	259.870.270.000	259.870.270.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2021</u> <b>Cổ phiếu</b>	<u>01/01/2021</u> <b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.987.027	25.987.027
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu phổ thông	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu phổ thông	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**e) Thông tin về phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ**

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-ĐHCD ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho người lao động (**từ ngày 24/01/2022 đến ngày 26/01/2022**), thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với vốn Điều lệ: 272.820.270.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200443827, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 15/02/2022.

Thông tin chi tiết về cổ phiếu đã phát hành như sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.295.000 cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành: 12.950.000.000 VND;
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông. Mã cổ phiếu: DXP;
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động; Gắn kết lợi ích, mục tiêu đồng hành của cán bộ nhân viên Công ty.
- Đối tượng chào bán: Toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty. Số cán bộ nhân viên được phân phối là 72 người.
- Số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.066.769.364	107.372.731.748
<b>Tổng</b>	<b>87.066.769.364</b>	<b>107.372.731.748</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	51.295.367.076	66.223.847.016
<b>Tổng</b>	<b>51.295.367.076</b>	<b>66.223.847.016</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	27.080.850.651	25.276.955.566
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.594.560.000	2.651.480.000
Lãi bán chứng khoán đầu tư	15.987.985.130	14.207.705.984
Chênh lệch tỷ giá	509.280	22.642.650
<b>Tổng</b>	<b>44.663.905.061</b>	<b>42.158.784.200</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.820.888.963	-
Chi phí bán chứng khoán	17.741.090	30.865.262
Chênh lệch tỷ giá	4.433.609	1.303.286
<b>Tổng</b>	<b>2.843.063.662</b>	<b>32.168.548</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.181.904.617	5.472.450.462
Chi phí vật liệu quản lý	339.409.221	321.322.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	186.685.461	222.698.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	806.446.240	915.550.631
Thuế, phí và lệ phí	4.160.494.800	5.897.902.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.030.177.420	1.068.144.608
Chi phí khác bằng tiền	2.245.682.082	3.639.705.571
<b>Tổng</b>	<b>16.950.799.841</b>	<b>17.537.773.650</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.602.960.431</b>	<b>184.944.737</b>
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	2.564.327.270	-
Thu từ tiền phạt, bảo hiểm bồi thường	37.577.000	184.114.712
Thu nhập khác	1.056.161	830.025
<b>Chi phí khác</b>	<b>323.745.654</b>	<b>10.496.874</b>
Phạt vi phạm thuế và tiền phạt hành chính	4.497.036	10.495.868
Xử lý công nợ	16.779.400	-
Chi phí khác	302.469.218	1.006
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.279.214.777</b>	<b>174.447.863</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>62.920.658.623</b>	<b>65.912.174.597</b>
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(458.672.136)	(1.834.446.751)
- Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	1.135.887.864	817.033.249
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.594.560.000)	(2.651.480.000)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>62.461.986.487</b>	<b>64.077.727.846</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.492.397.297	12.815.545.569
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (i)	(3.747.719.189)	(3.844.663.671)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.744.678.108</b>	<b>8.970.881.898</b>

(i): Năm 2020: Được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị quyết số 16/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020.

Năm 2021, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập</b>	<b>54.175.980.515</b>	<b>56.941.292.699</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	1.500.000.000
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>54.175.980.515</b>	<b>55.441.292.699</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	25.987.027	25.987.027
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.085</b>	<b>2.133</b>

(i): Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Năm 2020, Công ty xác định số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Do đó chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Năm 2020 sẽ thay đổi như sau:

	Năm 2020 (đã trình bày) VND	Năm 2020 (trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập</b>	<b>56.941.292.699</b>	<b>56.941.292.699</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.500.000.000
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>56.941.292.699</b>	<b>55.441.292.699</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	25.987.027	25.987.027
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.191</b>	<b>2.133</b>

**6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập</b>	<b>54.175.980.515</b>	<b>56.941.292.699</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.500.000.000
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>54.175.980.515</b>	<b>55.441.292.699</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	25.987.027	25.987.027
Số cổ phiếu dự kiến phát hành bổ sung (i)	1.295.000	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.986</b>	<b>2.133</b>

(i): Số cổ phiếu dự kiến phát hành bổ sung 1.295.000 cổ phiếu là số lượng cổ phiếu ESOP đã được phát hành cho người lao động theo thông tin được trình bày tại mục e của thuyết minh số 5.17 “Vốn chủ sở hữu”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên được xem là Bên liên quan của Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Cổ đông lớn
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân	là bên liên quan của công ty
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	Cùng thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt và là cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	Chi nhánh của Công ty liên kết

**a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

**Thù lao, Phụ cấp của Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	111.111.111	77.777.778
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	83.333.333	80.000.000
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	77.777.778	85.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	55.555.556	77.777.777
<b>Tổng</b>		<b>327.777.778</b>	<b>320.555.555</b>

**Thù lao của Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	16.666.667	16.666.666
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	11.111.111	11.111.111
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên	11.111.111	11.111.111
<b>Tổng</b>		<b>38.888.889</b>	<b>38.888.888</b>

**Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	1.061.213.972	1.161.837.044
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	642.635.354	615.871.705
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	287.817.857	427.538.372
Bà Mai Thị Yên Thế	Kế toán trưởng, Người công bố thông tin	314.907.903	328.101.113
<b>Tổng</b>		<b>2.306.575.086</b>	<b>2.533.348.234</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Giao dịch khác với bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
<b>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1.600.000</b>	<b>396.406.200</b>
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	1.600.000	396.406.200
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>1.727.692.604</b>	<b>4.282.991.477</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.727.692.604	4.282.991.477

**c) Số dư với bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>31/12/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>47.305.948.664</b>	<b>47.305.948.664</b>
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	47.305.948.664	47.305.948.664
<b>Phải trả thương mại ngắn hạn</b>	<b>178.090.527</b>	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	178.090.527	-

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO - Chi nhánh Hải Phòng.

Người lập

**Hoàng Thị Hương**

Kế toán trưởng

**Mai Thị Yên Thế**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



**Trần Việt Hùng**